TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 12-3-2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

+ Bà Trần Thị Ngọc Kim

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 271/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-DS ngày 21/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số X đường LHP, Phường D, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thanh T1, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: số XX đường Y, Phường J, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt ngày 02/11/2023 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết thông qua một số người bạn, do tin tưởng nên tôi có cho bà Trần Thanh T1 vay số tiền như sau:

- Ngày 11/11/2021, bà Trần Thanh T1 vay tôi số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*), thời hạn vay là một tháng từ ngày 11/11/2021 đến ngày 11/12/2021, theo giấy cam kết xác nhận vay mượn tiền ghi ngày 11/11/2021.

- Ngày 04/03/2022 bà Trần Thanh T1 vay tôi số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*), thời hạn vay là 04 ngày từ ngày 04/03/2022 đến ngày 08/03/2022, với mục đích dùng tiền để làm sổ đất theo giấy cam kết xác nhận vay mượn tiền ghi ngày 04/03/2022.

- Ngày 04/03/2022 bà Trần Thanh T1 vay tôi số tiền 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*), thời hạn vay là 10 ngày từ ngày 04/03/2022 đến ngày 14/03/2022, với mục đích dùng tiền để làm sổ đất theo giấy cam kết xác nhận vay mượn tiền ghi ngày 04/03/2022.

- Ngày 07/03/2022 bà Trần Thanh T1 vay tôi số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*), thời hạn vay là 02 ngày từ ngày 07/03/2022 đến ngày 08/03/2022, theo giấy cam kết xác nhận vay mượn tiền ghi ngày 07/03/2022.

Tổng số tiền bà T1 vay của tôi là 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*).

Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền, bà T1 vẫn không trả tiền cho tôi, dù tôi nhiều lần yêu cầu nhưng bà T1 vẫn không trả. Hai bên không thể thống nhất với nhau về việc thanh toán số tiền còn lại do bà T1 có thái độ không hợp tác, và cố tình trốn tránh.

Do vậy, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Trần Thanh T1 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*). Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Theo đơn trình bày ghi ngày 27/12/2023 của bà Trần Thanh T1 được Trại giam Công an tỉnh Lâm Đồng xác nhận và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì: Bà Trần Thanh T1 thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*). Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà có trách nhiệm trả số tiền gốc 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*) thì bà đồng ý.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thanh T1 trả cho bà số tiền vay là 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử là đúng theo quy định; Quan điểm về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T buộc bà Trần Thanh T1 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*).

Bà Trần Thanh T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thanh T1 hiện đang bị tạm giam để điều tra trong một vụ án hình sự khác, bà T1 đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án ban hành liên quan đến vụ án nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 theo quy định của pháp luật

[2] Về quan hệ tranh chấp: Giữa bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thanh T1 có quen biết nhau, do đó, bà T cho bà T1 vay số tiền 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*), việc vay tiền được các bên thể hiện bằng các văn bản có chữ viết và chữ ký của bà T1. Tuy nhiên sau khi vay tiền, mặc dù bà T nhiều lần yêu cầu bà T1 trả nợ nhưng bà T1 không thực hiện việc thanh toán nợ theo thỏa thuận, nên giữa các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết tranh chấp nói trên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Trên thực tế giữa bà Trần Thanh T1 và bà Nguyễn Thị T có xác lập giao dịch dân sự vay tiền cụ thể: Ngày 11/11/2021, bà Trần Thanh T1 vay bà T số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*), thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 11/11/2021 đến ngày 11/12/2021, theo giấy cam kết xác nhận vay mượn tiền ghi ngày 11/11/2021; Ngày 04/03/2022 bà Trần Thanh T1 vay bà T số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*), thời hạn vay là 04 ngày từ ngày 04/03/2022 đến ngày 08/03/2022, theo giấy cam kết xác nhận vay mượn tiền ghi ngày 04/03/2022; Ngày 04/03/2022 bà Trần Thanh T1 vay bà T số tiền 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*), thời hạn vay là 10 ngày từ ngày 04/03/2022 đến ngày 14/03/2022, theo giấy cam kết xác nhận vay mượn tiền ghi ngày 04/03/2022; Ngày 07/03/2022 bà Trần Thanh T1 vay bà T số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*), thời hạn vay là 02 ngày từ ngày 07/03/2022 đến ngày 08/03/2022, theo giấy cam kết xác nhận vay mượn tiền ghi ngày 07/03/2022. Đến hạn trả nợ theo các giấy vay tiền trên, bà T1 không thanh toán nợ nên giữa các bên phát sinh tranh chấp. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giao dịch vay tiền nói trên được lập thành văn bản, bà T1 thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*). Sự thỏa thuận của các bên trong giấy

mượn tiền là tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, tại thời điểm xác lập giao dịch các bên có năng lực hành vi và năng lực dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập vì vậy, giao dịch nói trên không bị vô hiệu, các bên phải thực hiện theo thỏa thuận là phù hợp.

[4] Xét về chứng cứ là các giấy mượn tiền đề các ngày 11/11/2021, 02 giấy vay tiền ngày 04/03/2022, ngày 07/03/2022 đều có chữ ký và chữ viết của bà T1, bà T1 thừa nhận có vay của bà T số tiền 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*) đồng thời đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền gốc theo yêu cầu của bà T nhưng do bà T1 vắng mặt nên Tòa án không tiến hành ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 117, 357, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trần Thanh T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*).

Trường hợp bên thực hiện nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Trần Thanh T1 phải chịu 113.000.000đ (*Một trăm mười ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ biên lai thu 0000023 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 56.500.000đ (*Năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Bình